TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Pc

Bản án số: 77/2018/HSST
Ngày 13-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Võ Văn V, sinh năm 1985 tại tỉnh An Giang; HKTT: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc N, sinh năm 1964 và bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1967; vợ tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987 và 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 26/02/2018, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Lý Văn T, sinh năm 1987 tại tỉnh Cà Mau; HKTT: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn G, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964;

Tiền án: Ngày 27/9/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 139/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/6/2014 nhưng chưa chấp hành xong việc nộp án phí; tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 08/01/2013 bị Tòa án nhân dân

huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 02/2013/HSST;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/02/2018, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Lê Phương Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Phòng số 32 nhà trọ Thanh Trúc, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 25/02/2018, Lý Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh biển số 67L1 – 997.09 chở Võ Văn V đi lòng vòng từ hướng chợ Đ thuộc phường A, thị xã Th, tỉnh Bình Dương về hướng cầu K thuộc địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương để chơi. Khi T điều khiển xe mô tô đến ngã tư miếu Ô thuộc phường T, thị xã T thì dừng xe môtô lại chờ đèn đỏ. Cùng lúc này, ông Trương Dĩnh P đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Nouvo 4 màu đỏ đen, biển số 59G1 – 052.14 chở bà Lê Phương Th là bạn gái ngồi phía sau, trên vai phải có đeo một túi xách màu đen có quai cầm. Thấy vậy, V nảy sinh ý định giật túi xách của bà Th nên nói với T "nhỏ ngồi xe Nouvo 4 có đeo túi xách kìa", nghe V nói vậy T hiểu được ý định của V là giật túi xách của bà Th nên T đồng ý. Thực hiện ý định, T liền điều khiển xe chạy gần lại vị trí dừng xe của ông P rồi T nói với V "nhỏ đó ngồi chiếc xe Nouvo 4", nghe T nói vậy V trả lời "vậy mầy giật đi" thì T đồng ý nhưng T nói cho V biết "xe mình chạy không lại xe đó đâu" thì V trả lời "mầy giật đi, nó không có đuổi theo đâu, có gì tao chỉ đường cho mầy chạy". Sau khi V và T thống nhất ý định giật túi xách của bà Th thì T điều khiển xe chạy theo phía sau bên phải xe của ông P để chờ có cơ hội sẽ áp sát để giật túi xách của bà Th. Lúc này, ông P chở bà Th chạy trên đường ĐT 747B thuộc khu phố P, phường T về hướng cầu K, khi chạy được khoảng 01km thì T nhìn thấy trên đoạn đường này vắng người nên T điều khiển xe tăng ga áp sát xe mô tô biển số 59G1 – 052.14 từ hướng bên phải của bà Th đang đeo túi xách (hướng bên tay trái của T). Khi đã áp sát xe mô tô biển số 59G1 – 052.14 thì T chồm người sang trái rồi dùng tay trái cầm quai túi xách màu đen của bà Th đang đeo giật mạnh làm cho dây đeo của túi xách bị đứt. Lúc này bên trong túi xách của bà Th có các tài sản: 01 nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 07 phân; 01 đôi bông tai vàng loại 18K trọng lượng 05 phân; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S 32G màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 32G màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A33 màu trắng; 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế, tất cả mang tên Lê Phương Th; 01 thẻ ATM mang tên Lê Ngọc Đ và 400.000 đồng. Sau khi giật được túi xách của bà Th thì T tăng ga bỏ chạy về hướng cầu K đồng thời đưa túi xách ra phía sau cho V cầm

và cất giữ. Bị giật túi xách, bà Th tri hô còn ông P điều khiển xe mô tô biển số 59G1 – 052.14 tăng ga truy đuổi theo. Thấy vậy, T cũng tăng ga bỏ chạy và chuyển hướng bên trái qua dải phân cách cố định giữa đường ĐT 747B rồi chạy ngược đường nên ông P tiếp tục điều khiển xe truy đuổi theo phía sau. Nhìn thấy ông P điều khiển xe truy đuổi phía sau còn cách xe của V và T khoảng 05 mét thì V dùng tay trái vứt lại túi xách mà T giật được của bà Th ra phía sau hướng về ông P đang truy đuổi đồng thời dùng tay trái chỉ về hướng mà mình vứt lại túi xách với ý định là trả lại tài sản cho bà Th để ông P dừng xe lại cho Th nhặt lấy túi xách mà không tiếp tục truy đuổi nữa. Lúc này, ông P vẫn tiếp tục truy đuổi theo phía sau đồng thời truy hô "cướp" cho người dân xung quanh nghe và hỗ trợ truy đuổi T và V. Khi điều khiển xe chạy đến đoạn đường ngã ba khu phố K, phường T thì ông Trần Đức H thuộc lực lượng phòng chống tội phạm phường T nghe tiếng truy hô của người dân nên điều khiển xe mô tô truy đuổi theo xe của T và V. Khi ông P và bà Th truy đuổi T và V đến ngã tư xã cũ thuộc phường K, thị xã T, Bình Dương thì ông P điều khiển xe áp sát xe của T và V rồi dùng chân đạp trúng vào người của V làm cho xe của T và V bị loạng choạng nhưng không té ngã, còn xe của ông P và Th bị té ngã xuống đường. Khi đó, T điều khiển xe biển số 67L1 – 997.09 chạy về hướng ngã ba cây số 18 theo sự hướng dẫn đường của V. Cùng lúc này, có ông Trần Đức H cũng truy đuổi kịp theo xe của T và V. Khi truy đuổi đến cảng Th thuộc khu phố T, phường Th, thị xã T thì T điều khiển xe chạy về hướng đồi 16, còn ông H không truy đuổi nữa mà đến Văn phòng khu phố T để thông tin vụ việc trên về đặc điểm của T và V cùng phương tiện. Khi không thấy ai truy đuổi nữa, V nói với T là "mầy chạy vào phòng trọ của thằng Q đi" nhằm mục đích lẩn trốn, nghe V nói vậy T đồng ý rồi điều khiển xe biển số 67L1 – 997.09 chở V đến phòng trọ của ông Lâm Bá Q tại khu phố C, phường Th, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Lúc này, ông Nguyễn Văn V là bảo vệ dân phố đang trực tại Văn phòng khu phố T tiếp nhận thông tin của ông H nên đã thông báo đến Công an phường Th đang đi tuần tra chốt chặn bắt giữ T và V. Cũng trong thời gian này, ông P và bà Th đến Công an phường Thái Hòa trình báo sự việc trên bị chiếm đoạt tài sản. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Công an phường Th, thị xã T đang đi tuần tra thì phát hiện T và V đi trên phương tiện giống đặc điểm như ông H cung cấp nên đã mời T, V về trụ sở làm việc. Công an phường Th chuyển giao T, V cùng các tài sản đã thu giữ cho Công an phường T, thị xã T. Công an phường T tiến hành lập hồ sơ ban đầu chuyển cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành làm việc với T, V và bà Th, ông P để xác định vị trí V vứt bỏ lại vật chứng của vụ án. Sau đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành đưa T, V cùng bà Th, ông P truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy. Ngày 15/3/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ban hành Thông báo truy tìm vật chứng số 19 nhưng không có kết quả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 111/KLTS-TTHS ngày 18/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 (Một) nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 07 phân; 01 (một) đôi

bông tai vàng loại 18K trọng lượng 05 phân; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S 32G màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 32G màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A33 màu trắng và 01 (một) túi xách màu đen không nhãn hiệu, tất cả đã qua sử dụng có tổng trị giá 11.130.000 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Xe môtô nhãn hiệu Wave Alpha màu trắng xanh, số máy JA39E 0331694, số khung RLHJA 3902 HY 331729, biển số 67L1 – 997.09 do Võ Văn V đứng tên đăng ký chủ sở hữu, ngày 25/02/2018 Lý Văn T điều khiển xe này chở V thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Lê Phương Th và bị thu giữ.

Cáo trạng số 69/CT-VKSTU ngày 26/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo trình bày lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị hại bà Lê Phương Th: Bà Lê Phương Th yêu cầu bị cáo Võ Văn V và Lý Văn T bồi thường số tiền 11.130.000 đồng (Mười một triệu một trăm ba chục nghìn đồng) là trị giá tài sản của bà Th bị V, T chiếm đoạt; số giấy tờ tùy thân bị chiếm đoạt bà Th đã làm lại nên không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa, bà Th xác nhận đã nhận được số tiền 6.000.000 đồng là tiền bà Phan Thị Thu H (mẹ của bị cáo V) bồi thường cho bà Th. Bà Th xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đồng thời yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường cho bà Th số tiền 5.130.000 đồng, ngoài ra bà Th không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Phan Thị Thu H: Không yêu cầu bị cáo V phải trả lại số tiền mà bà đã bồi thường cho bị hại.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng số 69/CT-VKSTU ngày 26/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, đề nghị cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tình tiết tăng nặng đối với bị cáo V là có hành động hung hãn nhằm trốn tránh quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và đề nghị mức án đối với bị cáo Lý Văn T từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù và bị cáo Võ Văn V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/02/2018 tại đoạn đường ĐT 747B thuộc khu phố P, phường T thị xã T, tỉnh Bình Dương, Lý Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 67L1 – 997.09 chở Võ Văn V ngồi phía sau thực hiện hành vi cướp giật túi xách bên trong đựng các tài sản gồm: 01 (Một) nhẫn vàng loại 18K trọng lượng 07 phân; 01 (một) đôi bông tai vàng loại 18K trọng lượng 05 phân; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S 32G màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5 32G màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A33 màu trắng; 01 (một) thẻ ATM, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân, 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế, tất cả mang tên Lê Phương Th; 01 (một) thẻ ATM mang tên Lê Ngọc Đ và 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) của bà Lê Phương Th; tổng giá trị tài sản mà V, T chiếm đoạt của bà Th là 11.130.000 đồng (Mười một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Các bị cáo sử dụng thủ đoạn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và người tham gia giao thông khác. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, cho nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị, nhưng vì tính tham lam, tư lợi cá nhân đã bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cần thiết tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Văn T đã phạm tội nhưng chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo V có hành động hung hãn nhằm trốn tránh nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Võ Văn V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền 5.130.000 đồng. Bị cáo Lý Văn T đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 5.130.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) áo thun nam màu trắng có hoa văn cá chép của Lý Văn T;

- 01 (Một) quần Jean màu xanh hiệu Fashion của Lý Văn T;

- 01 (Một) cái ví hiệu Levis màu nâu của Lý Văn T;

- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Văn T;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu hồng của Lý Văn T;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng của Võ Văn V;

- 01 (Một) áo sơ mi tay dài sọc carô màu trắng, đen, xanh, xám của Võ Văn V;

- 01 (Một) quần Jean màu xanh hiệu Tommy của Võ Văn V;

Không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

- 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Wave Alpha màu trắng xanh biển số 67L1 – 997.09, số khung RLHJA3902HY331729, số máy JA39E0331694 của Võ Văn V là phương tiện phạm tội, cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Văn V và Lý Văn T phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38; điểm p khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Văn V 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/02/2018.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lý Văn T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/02/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo Võ Văn V: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng; 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc carô màu trắng, đen, xanh, xám và 01 (một) quần Jean màu xanh hiệu Tommy.

- Trả lại cho bị cáo Lý Văn T: 01 (Một) áo thun nam màu trắng có hoa văn cá chép; 01 (một) quần Jean màu xanh hiệu Fashion; 01 (một) cái ví hiệu Levis màu nâu; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Văn T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime màu hồng.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) xe môtô nhãn hiệu Wave Alpha màu trắng xanh biển số 67L1 – 997.09, số khung RLHJA3902HY331729, số máy JA39E0331694.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lý Văn T về việc bồi thường cho bị hại. Buộc bị cáo Lý Văn T phải bồi thường cho bị hại bà Lê Phương Th số tiền 5.130.000 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lý Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; (2)
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT CA TX.T; (1)
- Cơ quan THAHS CA TX.T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T; (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu: VT, HS. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm